

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B15KDN_TRỪ K.TẾ+KT&CN
TÊN HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT & THỐNG KÊ ĐỢT HỌC 4
MÃ HỌC PHẦN : STA - 151 TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 07/11/2010

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	152327002	Nguyễn Thị Thục Anh	B15KDN	10		9.5	8.8				5	6.9	Sau pháp Chèn				
2	152327003	Nguyễn Thị Thanh Bình	B15KDN	0		0	0				HP	0.0	Khăng				
3	152327004	Trương Thị Thu Bình	B15KDN	8		8.5	9				3.5	0.0	Khăng				
4	152327009	Nguyễn Thị Phương Chi	B15KDN	4		7	8				4	5.3	Nằm pháp Ba				
5	152337535	Nguyễn Thị Kim Chi	B15KDN	0		0	0				HP	0.0	Khăng				
6	152327012	Trần Thị Bích Diễm	B15KDN	6		8	8.8				1	0.0	Khăng				
7	152327019	Uông Ngọc Diễm	B15KDN	10		9	8.3				2	0.0	Khăng				
8	152327013	Phan Thị Ngọc Diệu	B15KDN	10		8	9				4.8	6.7	Sau pháp Baý				
9	152327017	Lê Thị Mỹ Dương	B15KDN	6		9	8				4	5.7	Nằm pháp Baý				
10	152327016	Đoàn Mai Duyên	B15KDN	4		9	8				4	5.5	Nằm pháp Nằm				
11	152327021	Nguyễn Thị Hương Giang	B15KDN	10		8.5	8.3				8	8.3	Tam pháp Ba				
12	152327022	Phạm Thị Lê Giang	B15KDN	10		8.5	8.3				HP	0.0	Khăng				
13	152327030	Hoàng Thị Thúy Hằng	B15KDN	8		8.5	9.5				7	7.9	Baý pháp Chèn				
14	152327031	Huỳnh Lê Thị Thúy Hằng	B15KDN	4		8	9				3	0.0	Khăng				
15	152327032	Huỳnh Phan Khánh Hằng	B15KDN	10		8	8.8				6.3	7.5	Baý pháp Nằm				
16	152327026	Lê Thị Mỹ Hạnh	B15KDN	10		7	9				6.3	7.4	Baý pháp Bấu				
17	152327027	Nguyễn Thị Bích Hạnh	B15KDN	0		0	0				V	0.0	Khăng				
18	152327034	Huỳnh Thị Thu Hiền	B15KDN	8		9	8				3	0.0	Khăng				
19	152327037	Ninh Thị Hiền	B15KDN	8		7.5	8.5				3.5	0.0	Khăng				
20	152327040	Vũ Thị Thanh Hiền	B15KDN	8		6	8.4				5	6.3	Sau pháp Ba				
21	152327043	Hoàng Thị Hòa	B15KDN	8		6	8.4				8.5	8.2	Tam pháp Hai				
22	152327045	Hoàng Thị Hoàn	B15KDN	4		7.5	8.4				2	0.0	Khăng				
23	152327046	Trương Thị Mỹ Hồng	B15KDN	10		6	9				9	8.8	Tam pháp Tam				
24	152327047	Vũ Thị Huế	B15KDN	10		8.5	8.5				6	7.3	Baý pháp Ba				
25	152327048	Lê Thị Kim Huệ	B15KDN	10		9.5	9				7.5	8.3	Tam pháp Ba				
26	152327049	Mai Kim Huệ	B15KDN	10		8	9.5				7	8.0	Tam				
27	152327053	Nguyễn Quang Hưng	B15KDN	8		6	9.5				5	6.5	Sau pháp Nằm				
28	152327055	Nguyễn Thị Lan Hương	B15KDN	10		9.5	9				7	8.1	Tam pháp Mất				
29	152327051	Đặng Thị Huyền	B15KDN	10		7.5	8.4				9	8.8	Tam pháp Tam				
30	152327059	Nguyễn Tào Khang	B15KDN	4		8.5	8.5				6	6.7	Sau pháp Baý				
31	152327061	Nguyễn Thị Lan	B15KDN	4		9.5	8				5.5	6.4	Sau pháp Bấu				
32	152327062	Lê Thị Hồng Lê	B15KDN	10		8	8.3				3.5	0.0	Khăng				
33	152327063	Nguyễn Thị Thanh Lê	B15KDN	8		7.5	8.5				4.3	6.0	Sau				
34	152327065	Trần Nguyễn Kỳ Lê	B15KDN	0		0	0				HP	0.0	Khăng				
35	152327066	Nguyễn Vũ Hạ Liên	B15KDN	10		9.5	8.8				5.5	7.2	Baý pháp Hai				
36	152327067	Nguyễn Thị Liễu	B15KDN	10		9	8.8				6	7.4	Baý pháp Bấu				
37	152327068	Nguyễn Thị Mỹ Linh	B15KDN	8		9.5	8.5				4	6.1	Sau pháp Mất				
38	152337654	Phan Thị Mỹ Linh	B15KDN	4		7.5	8				1	0.0	Khăng				
39	152327070	Đặng Thị Lựa	B15KDN	10		8.5	9				8.3	8.7	Tam pháp Baý				
40	152337667	Lê Sao Mai	B15KDN	8		8	8				6	6.9	Sau pháp Chèn				
41	152327076	Đặng Thị Nga	B15KDN	10		6	8.5				0	0.0	Khăng				

Ngày thi: 07/11/2010

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
42	152327077	Đặng Thị Thanh	Nga	B15KDN	0		0		0				V	0.0	Khăng		
43	152327078	Phạm Thị	Nga	B15KDN	8		9		8.5				1	0.0	Khăng		
44	152327080	Nguyễn Thị Thúy	Ngà	B15KDN	10		7.5		9.5				0	0.0	Khăng		
45	152327082	Phạm Dương Thu	Nguyệt	B15KDN	10		7		8.3				8	8.2	Tâm pháp Hai		
46	152327084	Võ Hoàng Thảo	Nhi	B15KDN	8		9		8.8				3.5	0.0	Khăng		
47	152327086	Đoàn Quỳnh	Nhung	B15KDN	10		8.5		8				8	8.3	Tâm pháp Ba		
48	152317483	Đặng Thị Mỹ	Nương	B15KDN	10		8		8.3				6.3	7.3	Báý pháp Ba		
49	152327089	Hồ Thị Hoàng	Oanh	B15KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
50	152327090	Đặng Thị Hồng	Phấn	B15KDN	10		7.5		8.4				9	8.8	Tâm pháp Tâm		
51	152327091	Nguyễn Thị	Phương	B15KDN	6		8		8.5				1	0.0	Khăng		
52	152327092	Nguyễn Thị Nhật	Phương	B15KDN	10		8		9.5				HP	0.0	Khăng		
53	152327097	Nguyễn Phạm Như	Quỳnh	B15KDN	10		7		8.3				7.5	7.9	Báý pháp Chên		
54	152327098	Hồ Thị	Sen	B15KDN	4		9.5		8.5				HP	0.0	Khăng		
55	152327099	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	B15KDN	10		8		8.8				6	7.3	Báý pháp Ba		
56	152327101	Phạm Trần Thị Hồng	Tâm	B15KDN	6		7		8.5				8	7.8	Báý pháp Tâm		
57	152327103	Võ Thị Minh	Tâm	B15KDN	10		9		9				5.8	7.3	Báý pháp Ba		
58	152327111	Lê Thị	Thắm	B15KDN	10		7		9.5				6.8	7.8	Báý pháp Tâm		
59	152327105	Cao Thị Mai	Thảo	B15KDN	8		9.5		8.5				4.5	6.4	Sầu pháp Bấu		
60	152327108	Phan Thị Thu	Thảo	B15KDN	10		8.5		8.3				6.5	7.5	Báý pháp Nàm		
61	152327114	Phạm Thị	Thơ	B15KDN	10		8		9				8.5	8.7	Tâm pháp Báý		
62	152327123	Võ Thị	Thư	B15KDN	10		8.5		9.5				6.5	7.8	Báý pháp Tâm		
63	152327122	Nguyễn Thị	Thúy	B15KDN	10		7.5		9.5				0	0.0	Khăng		
64	152327116	Dương Thị Bích	Thùy	B15KDN	8		6		9				1	0.0	Khăng		
65	152327117	Thiều Thị	Thùy	B15KDN	10		9		8.5				8	8.4	Tâm pháp Bấu		
66	152327125	Nguyễn Hoàng Đan	Thy	B15KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
67	152327127	Đinh Thị	Tím	B15KDN	10		7.5		8.4				5	6.6	Sầu pháp Sầu		
68	152327128	Đinh Ngọc Thùy	Trang	B15KDN	8		9.5		9				5.5	7.0	Báý		
69	152327129	Đoàn Thị	Trang	B15KDN	6		8		9				5	6.4	Sầu pháp Bấu		
70	152327130	Nguyễn Thị Hoài	Trang	B15KDN	10		9.5		8.5				7	7.9	Báý pháp Chên		
71	152327134	Bùi Thị Chu	Trinh	B15KDN	10		8		8.8				4.5	6.5	Sầu pháp Nàm		
72	152327136	Đỗ Thị	Túy	B15KDN	8		9.5		8.5				0	0.0	Khăng		
73	152327137	Lại Thị Kim	Tuyển	B15KDN	0		0		0				V	0.0	Khăng		
74	152327139	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	B15KDN	10		8.5		8.5				4.5	6.5	Sầu pháp Nàm		
75	152327140	Phạm Thị	Tuyết	B15KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
76	152327141	Hà Trần Phương	Uyên	B15KDN	10		8		9				7	7.9	Báý pháp Chên		
77	152327143	Trịnh Thị	Vinh	B15KDN	2		9		8				2	0.0	Khăng		
78	152327144	Đỗ Thị Hà	Xuyên	B15KDN	8		6		8.4				3	0.0	Khăng		
79	152327145	Cao Thị Huỳnh	Yến	B15KDN	10		6		9				8	8.3	Tâm pháp Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	48	61%	
2	Số sinh viên nợ	31	39%	
TỔNG CỘNG :		79	100%	

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 11 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN

PHÒNG ĐÀO TẠO

Ngày thi: 07/11/2010

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				10		10		25				55	100		

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Nguyễn Thị Quỳnh Trang

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú